

Bản án số: **35/2024/DSPT.**

Ngày 08/4/2024.

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:** Ông Hồ Thanh Sơn.
- **Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Đức Nam và ông Bàn Văn Thế.
- **Thư ký phiên toà:** Ông Lê Hồng Phong, Thẩm tra viên - Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Hải Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 82/2023/TLPT-DS ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST, ngày 10/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 20/2024/QĐ-PT, ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ma Văn Th, sinh năm 1946; Địa chỉ: Thôn T.T, xã P, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. Bị đơn:

- Bà Ma Thị H, sinh năm 1952 (vắng mặt);

- Bà Ma Thị T, sinh năm 1957 (vắng mặt);

- Bà Bùi Thị M, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn T.T, xã P, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã P, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện: Ông Trần Văn Ch; Chức vụ: Chủ tịch UBND xã. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Kim Gi - Công chức địa chính xã P, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1949; Địa chỉ: Thôn T.T, xã P, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- Anh Ma Văn L, sinh năm 1974 (có mặt);

- Anh Ma Văn A, sinh năm 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt).;
- Ông Lê Văn C (Lê Xuân C), sinh năm 1953 (vắng mặt);
- Ông Hà Tiến Nh, sinh năm 1960 (vắng mặt).
- Ông Đặng Văn Ph, sinh năm 1958 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn T.T, xã P, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

- Chị Ma Thị D, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Chị Ma Thị Y, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

- Chị Ma Thị Thúy K, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Q, huyện H. Ph, tỉnh Hà Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Chị Ma Thị Đ, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Q, huyện H. Ph, tỉnh Hà Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người làm chứng:**

- Ông Kiều Xuân G, sinh năm 1941 (vắng mặt).
- Ông Hà Quang Ch, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T.T, xã P, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

Do có kháng cáo của nguyên đơn ông Ma Văn Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên tòa nguyên đơn ông Ma Văn Th trình bày: Về nguồn gốc diện tích đất ruộng tại thửa số 15, thửa số 4b, tờ bản đồ số 35, địa chỉ thửa đất tại Thôn T.T, xã P, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang là do gia đình ông phục hóa lại của những người đã sử dụng trước và sử dụng từ năm 1982. Trước đó là đất ruộng của ông Tạ Chiến Đ, địa chỉ thôn Đ. L (khu vực L. H), xã P, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang. Năm 1996 gia đình ông được UBND huyện Ch. H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ruộng tổng diện tích 2.456m² gồm 05 thửa như sau:

- Thửa số 4a, tờ bản đồ số 35, diện tích 720m²;
- Thửa số 4b, tờ bản đồ số 35, diện tích 1020m²;
- Thửa số 11, tờ bản đồ số 35, diện tích 100m²;
- Thửa số 15, tờ bản đồ số 35, diện tích 540m²;
- Thửa số 48, tờ bản đồ số 10, diện tích 76m².

Theo kế hoạch 17/KH-UB ngày 26/6/2002 của UBND huyện Ch. H ban hành thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, UBND xã P đã thành lập tiểu ban dồn điền đổi thửa tại các thôn trên địa bàn xã. Khi thực hiện việc dồn điền đổi thửa, UBND xã P và các tiểu ban đã tổ chức họp giữa các hộ gia đình có đất nông nghiệp tại địa phương nhưng khi chưa được sự đồng thuận của nhiều gia đình (trong đó có gia đình ông), xã tự ý quyết định việc đổi đất của các hộ dân, làm giảm diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông. Theo thông báo số 04/TB-UBND ngày 25/12/2006 của UBND xã P khi thực hiện việc dồn ghép, UBND xã P đã lấy

ruộng của gia đình ông giao cho các ông bà sau (là cán bộ hưu trí và công nhân lâm trường), cụ thể:

- Tại tờ bản đồ số 35, thửa đất số 4b, diện tích 1.020m².
- + Giao cho bà Bùi Thị Kh 136m².
- + Diện tích còn lại gia đình ông đang sử dụng là 424m².
- Tờ bản đồ số 35, thửa đất số 15, diện tích 540m².
- + Giao cho bà Ma Thị H 270m².
- + Giao cho bà Ma Thị T 135m².
- + Giao cho bà Bùi Thị M 135m².

Do 03 hộ gia đình trên được giao (*không có giấy tờ giao đất của cơ quan có thẩm quyền*) toàn bộ diện tích đất thửa 15 của vợ chồng ông, nên phần đất 42m² bờ ruộng của thửa số 15 gia đình ông sử dụng ổn định từ năm 1982 cũng bị 03 gia đình trên chiếm dụng luôn (diện tích 42m² này chưa được cấp giấy chứng nhận và liền kề với đất của 03 hộ trên).

Sau đó các hộ trên đã đổ đất tràn lên ruộng của gia đình ông mở đường ngõ đi đổ bê tông làm đường đi nội bộ từ Quốc lộ vào ba nhà: Bà H, bà T, bà M. Riêng gia đình bà H còn tự ý cắm cọc quây dây thép gai trên đất gia đình ông để trồng cây lâu năm (phía ngõ đi của 03 gia đình). Vợ chồng ông Lê Xuân C và bà Ma Thị H đã tự ý xây tường rào giáp ranh lấn phần đất giữa thửa 15 của gia đình ông và thửa 16 (của ông C, bà H) cạnh đường quốc lộ (Vì theo kết luận của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy thửa đất 16 của vợ chồng ông C, bà H diện tích 150m² đã bị nhà nước thu hồi được đền bù 30m² khi mở đường quốc lộ, diện tích còn lại 120m² nhưng hiện nay diện tích đo thực tế vẫn còn 150m²).

Trải qua 15 năm (năm 2004 hoàn thành giao đất cho các ông, bà trên) vợ chồng ông làm đơn gửi đến Ủy ban nhân dân các cấp và cũng rất nhiều các văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân các cấp về việc giảm diện tích đất của gia đình ông giao cho người khác mà không được sự đồng thuận của gia đình ông.

Ngày 14/7/2006 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ch. H ban hành Quyết định số 1870/QĐ-CT giải quyết khiếu nại và công nhận gia đình ông khiếu nại là có cơ sở và đồng ý giữ nguyên hiện trạng đất của gia đình ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1996.

Ngày 09/10/2017 Ủy ban nhân dân huyện Ch. H đã ban hành văn bản số 1213/UBND-TNMT về việc đồng ý giữ nguyên hiện trạng đất đang sử dụng của gia đình ông Ma Văn Th (vợ là Nguyễn Thị V).

Sau đó, vợ chồng ông đã tự lấy lại được một số diện tích đất, nhưng còn thiếu 238,3m² đất của gia đình ông: Gia đình bà H, bà T, bà M không chịu trả lại 107m² (65m² tại thửa 15 + 42m² là đất bờ liền thửa số 15) và gia đình bà H không trả 131,3m² tại thửa số 4b.

Tại các biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã P, UB xã khẳng định việc đồn điền đổi thửa là do các gia đình tự nguyện, xã không có thẩm quyền giao đất, huyện không thu hồi đất và gia đình ông đã lấy lại đất và hiện đang sử dụng đúng

các thửa đất mà gia đình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/12/1996 số E0997478. Điều đó là không đúng.

Căn cứ số liệu đo đạc do Trung tâm đo đạc Sở Tài nguyên và môi trường Tuyên Quang đo ngày 24/8/2020 số liệu cụ thể gia đình ông bị lấn chiếm như sau:

- Thửa đất số 4b, tờ bản đồ số 35, diện tích 1.020m^2 và thửa số 10, diện tích 79m^2 , tổng diện tích của 02 thửa là 1.098m^2 đất ruộng được cấp trên giấy chứng nhận sau khi giao cho bà Bùi Thị Kh 136m^2 , hiện nay diện tích còn lại là $966,7\text{m}^2$ thiếu so với diện tích ban đầu $131,3\text{m}^2$ ($1.098\text{m}^2 - 966,7\text{m}^2$) do gia đình bà Ma Thị H đóng cọc quây rào dây thép gai lấn chiếm để trồng cây lâu năm.

- Thửa đất số 15, tờ bản đồ 35 diện tích 540m^2 đất ruộng được cấp giấy chứng nhận đã giao cho ba hộ Ma Thị H, Ma Thị T, Bùi Thị M nhưng khi ông nhận lại chỉ còn 475m^2 thiếu so với diện tích ban đầu là 65m^2 ($540\text{m}^2 - 475\text{m}^2$) do cả ba gia đình trên đã đổ đất lấn xuống ruộng của gia đình ông để mở rộng ngõ đi bằng bê tông từ đường quốc lộ vào chiều rộng 3m và một phần do vợ chồng ông Lê Xuân C và bà Ma Thị H đã tự ý xây tường rào giáp ranh lấn phần đất thửa 15 của gia đình ông và thửa 16 (của ông C, bà H) cạnh đường quốc lộ.

- Phần diện tích bờ ruộng 42m^2 của thửa đất số 15 bị các hộ dân: Ma Thị H, Ma Thị T, Bùi Thị M san lấp làm đường từ năm 2004-2005.

Sau khi ông có đơn đề nghị UBND xã P tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai đối với phần đất bị các gia đình bà H, bà T, bà M lấn chiếm, ngày 01/12/2020; 16/12/2020 Ủy ban nhân dân xã P đã hòa giải nhưng cả hai lần bà H, bà T, bà M đều vắng mặt không có lý do, kết quả hòa giải không thành.

Ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ch. H giải quyết: Buộc gia đình bà Ma Thị H, bà Ma Thị T, bà Bùi Thị M phải trả lại tổng diện tích là $238,3\text{m}^2$ đất nông nghiệp đã lấn chiếm của gia đình ông tại các thửa đất sau:

- Gia đình bà Ma Thị H: Trả lại $131,3\text{m}^2$ đã lấn chiếm của gia đình ông tại thửa đất 4b, tờ bản đồ 35. Hiện phần đất này gia đình bà H đã đóng cọc quây rào dây thép gai để trồng cây lâu năm.

- Gia đình bà Ma Thị H, bà Ma Thị T, bà Bùi Thị M trả lại 65m^2 đã lấn chiếm của gia đình ông tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 35. Hiện phần diện tích đất lấn chiếm ba gia đình bà H, bà T và bà M đã đổ bê tông mở rộng ngõ đi nội bộ từ đường quốc lộ vào ba nhà rộng 03m.

- Gia đình bà Ma Thị H, bà Ma Thị T, bà Bùi Thị M trả lại 42m^2 đất bờ liền kề thửa đất số 15 đã bị ba gia đình trên san lấp làm đường nội bộ từ năm 2004 - 2005.

Ông tạm tính giá trị của tổng diện tích ruộng tranh chấp là $238,3\text{m}^2 \times 50.000$ đồng = 11.915.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ma Thị H trình bày: Cuối năm 1981, gia đình bà chuyển đến sinh sống tại Thôn T.T, xã P, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang. Tại thời điểm bà đến sinh sống đã có con đường đi vào gia đình ba hộ dân (hộ bà Ma Thị H, hộ bà Bùi Thị M, hộ bà Ma Thị T), cụ thể con đường rộng khoảng 02 m và kéo dài từ đường quốc lộ vào đến

cổng nhà ông Hà Tiên Nh và bà Ma Thị T. Từ cổng nhà ông Nh đến cổng nhà bà thì đi bằng đường chân lô của lâm trường vào diện tích đất gia đình. Năm 2002 thực hiện Chương trình dồn điền đổi thửa gia đình bà được giao canh tác 270m² đất ruộng tại thửa số 15, tờ bản đồ số 35. Khi được giao đất thì Ủy ban nhân dân xã P giao đất ngoài thực địa cho gia đình, bà có canh tác 01 vụ và sau đó do gia đình ông Th đòi lại không cho gia đình bà làm nên bà đã trả lại diện tích đất này cho gia đình ông Th. Từ năm 2003 đến nay gia đình bà không canh tác, sử dụng đối với diện tích đất được giao theo kế hoạch dồn điền đổi thửa, gia đình ông Th quản lý sử dụng thửa đất số 15 và thửa đất số 4b từ năm 2005 đến nay. Đối với việc ông Th cho rằng gia đình bà đang lấn chiếm phần diện tích đất tại thửa số 4b thì bà xác định gia đình bà không lấn chiếm diện tích đất này. Bà đã được Tòa án thông qua Mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất để giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Ma Văn Th với bị đơn bà Ma Thị H, bà Ma Thị T và bà Bùi Thị M, hệ tọa độ NV-2000 tại Thôn T.T, xã P, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang, tỉ lệ 1:500. Bà nhất trí với sơ đồ và không có ý kiến bổ sung. Sau khi xem mảnh trích đo, bà nhận thấy tại sơ đồ mảnh trích đo thể hiện mốc giới 1', 36, 35, 1' có diện tích là 10,0m² đất, đối với phần diện tích này gia đình bà không sử dụng. Hiện tại gia đình ông Th vẫn sử dụng.

Bị đơn bà Ma Thị T trình bày: Năm 1986 gia đình bà được lâm trường cấp cho diện tích đất chân lô. Ngoài ra có nhà ông Lê Văn C, bà Ma Thị H, ông Đặng Văn Ph và bà Bùi Thị M. Con đường từ đường quốc lộ 3B đến diện tích đất của gia đình bà rộng khoảng từ 1,5m đến 02m. Đến năm 1998, 1999 gia đình bà có tôn tạo, mở rộng đường đi (thành 03m). Quá trình tôn tạo gia đình bà có bỏ một phần diện tích đất vào con đường (có chỗ 01m, có chỗ 0,5m). Từ khi gia đình bà đến sinh sống thì con đường đi từ đường quốc lộ 3B vào diện tích đất của gia đình bà có đặc điểm là một bên giáp đất của gia đình bà và một bên giáp đất ruộng của gia đình ông Ma Văn Th, bà Nguyễn Thị V. Năm 2002, 2003 thực hiện dồn điền đổi thửa gia đình bà được giao canh tác 135m² tại thửa số 15 tờ bản đồ số 35 được cấp cho gia đình ông Ma Văn Th, gia đình bà canh tác được một vụ lúa, sau đó thực hiện theo Quyết định 1870/QĐ-CT ngày 14/7/2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ch. H thì gia đình bà trả lại diện tích được giao cho gia đình ông Th. Gia đình ông Th canh tác, sử dụng từ năm 2005 đến nay. Ông Ma Văn Th cho rằng khi gia đình bà, bà H, bà M cùng được giao canh tác tại thửa số 15 đã đổ đất làm đường đi từ quốc lộ 3B và đến cổng nhà ông Nh lấn vào diện tích đất tại thửa số 15 là không đúng.

Bà Bùi Thị M trình bày: Từ năm 1980 khi gia đình bà chuyển về đây sinh sống thì con đường đi rộng khoảng 1,5m đến 2m. Quá trình sử dụng lối đi thì gia đình bà và gia đình ông Nh, bà T, gia đình bà H, ông C có cải tạo và mở rộng lối đi, phần diện tích mở rộng lối đi là đất của gia đình ông Nh bỏ ra làm lối đi chung cho ba gia đình. Bà khẳng định diện tích lối đi hiện nay có chiều dài hơn 100m, chiều rộng mặt đường có chỗ rộng hơn 03m, có chỗ rộng chưa đến 03m, gia đình bà đang sử dụng không lấn chiếm đất ruộng của gia đình ông Th. Khi gia đình bà được giao canh tác 135m² đất ruộng tại thửa số 15 thì UBND xã chỉ giao tại cuộc

hợp và giao ngoài thửa địa. Sau khi gia đình ông Th đòi lại gia đình bà đã trả lại cho gia đình ông Th, khi trả lại thì gia đình bà không lập biên bản bàn giao, chỉ giao trả bằng miệng diện tích là 135m², hiện nay gia đình ông Th đang quản lý sử dụng.

** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Ông Hà Tiến Nh trình bày: Về nguồn gốc đất của gia đình ông tại Thôn T.T, xã P, huyện Ch. H là do Lâm trường huyện Ch. H cấp năm 1986, cấp cho cán bộ công nhân của Lâm trường. Gia đình ông chuyển đến sinh sống thường xuyên từ năm 1986 đến nay. Khi đến sống tại diện tích đất được cấp tại Thôn T.T, xã P, huyện Ch. H đã có đất của gia đình ông Lê Xuân C và bà Ma Thị H và gia đình ông Đặng Văn Ph, bà Bùi Thị M. Từ đường chính để vào diện tích đất của gia đình ông có một con đường, rộng khoảng 1,5m đến 02m, có chiều dài kéo đến nhà bà M, ông Ph. Đến năm 1998, 1999 gia đình ông có tôn tạo, mở rộng diện tích đường đi (mở rộng đường đi thành 03m). Quá trình tôn tạo, gia đình ông có bỏ một phần diện tích đất vào con đường để mở rộng con đường (cụ thể có phần gia đình ông đã bỏ 01m đất, có chỗ gia đình ông bỏ 0,5m, có chỗ gia đình đã bỏ ra hơn 01m đất để mở rộng con đường). Khi gia đình tôi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì con đường đi từ đường quốc lộ ĐT176 vào diện tích đất của ba gia đình thì một bên giáp đất của gia đình ông và giáp đất ruộng của gia đình ông Ma Văn Th và bà Nguyễn Thị V. Khoảng năm 2002, 2003 thực hiện dồn điền đổi thửa gia đình ông được giao canh tác 135m² tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 35, gia đình ông canh tác được một vụ lúa, sau đó thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì gia đình ông trả lại diện tích đất được giao. Thực tế gia đình ông đã trả lại diện tích đất ruộng cho gia đình nhà ông Th, bà V từ năm 2002. Đối với yêu cầu khởi kiện ông Th đề nghị thì ông không nhất trí với nội dung khởi kiện của ông Th, gia đình ông không có lấn chiếm diện tích đất của gia đình ông Th, bà V.

- Ông Đặng Văn Ph trình bày: Năm 1986 gia đình ông được Lâm trường huyện Ch. H cấp đất tại Thôn T.T, xã P, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang. Gia đình ông và gia đình ông Hà Tiến Nh đều được cấp đất cùng khu vực. Gia đình ông Nh ra ở và dựng nhà trước gia đình ông mấy tháng tại Thôn T.T, xã P, huyện Ch. H. Khi đến sinh sống tại Thôn T.T, đi vào phần diện tích đất được gia đình được cấp có 01 con đường chạy từ đường quốc lộ đến đất của gia đình. Con đường từ quốc lộ 3B đến cổng nhà ông Nh có chiều rộng khoảng 02m, phía bên trái của con đường theo hướng đường quốc lộ đi vào giáp thửa đất số 15, tờ bản đồ số 35 của ông Th, bà V và bên phải giáp đất vườn của ông Nh, đoạn sau bắt đầu từ cổng nhà ông Nh là con đường giáp đất của nhà ông C. Năm 2002 thực hiện theo chương trình dồn điền, đổi thửa, gia đình ông được giao canh tác 135m² đất ruộng tại thửa số 15, tờ bản đồ số 35. Sau khi được giao đất gia đình ông có được canh tác 01 vụ lúa, sau đó gia đình ông trả lại đất của ông Th, bà V. Đối với con đường đang sử dụng trước đó (ông không nhớ rõ năm) thì ông Nh có cải tạo, tôn tạo mặt bằng đường và mở rộng con đường đi. Ông Nh có bỏ thêm diện tích đất của gia đình để mở rộng con đường. Đến năm 2017, ba gia đình gồm gia đình ông, gia đình ông Nh, gia đình bà H cùng làm đường bê tông con đường cùng sự hỗ trợ xi măng của

Nhà nước. Khi thi công con đường đã rộng hơn 03m. Gia đình ông và hai hộ đã làm bê tông dải cả con đường (cụ thể là rộng 03m). Đối với yêu cầu khởi kiện ông Th đề nghị thì ông không nhất trí với nội dung khởi kiện của ông Th, gia đình ông không có lấn chiếm diện tích đất của gia đình ông Th, bà V.

- Ông Lê Văn C trình bày: Năm 1979 ông được Lâm trường huyện Ch. H cấp diện tích đất cho ông tại Thôn T.T, xã P, huyện Ch. H và khi ông đến sinh sống đã có con đường vào diện tích đất của gia đình. Thời điểm ông ra sinh sống thì đối với diện tích đất ruộng gần khu vực nhà của ông (cụ thể thửa số 15, tờ bản đồ số 35) là do Huyện đội canh tác (thực hiện theo Chương trình những người lính đảo ngũ để xuống canh tác ruộng (hay còn gọi là lính Bê quay). Theo như ông được biết thì những người lính đảo ngũ này canh tác đến năm 1982 thì không canh tác nữa. Con đường rộng khoảng 02m và kéo dài từ đường quốc lộ vào trong khoảng 30m. Ông xây nhà năm 1993, khi xây nhà thì xe cải tiến chở vật liệu đi vào cổng nhà ông. Gia đình ông sử dụng ổn định từ đó đến nay. Năm 2002 thực hiện theo chương trình dồn điền, đổi thửa, gia đình ông được giao canh tác 135m² đất ruộng tại thửa số 15, tờ bản đồ số 35. Gia đình ông có canh tác được 01 vụ và sau đó đã trả lại diện tích đất này cho ông Ma Văn Th. Đến năm 2017, ba gia đình gồm gia đình ông, gia đình ông Nh, gia đình ông Ph cùng làm đường bê tông con đường cùng sự hỗ trợ xi măng của Nhà nước. Khi thi công con đường đã rộng hơn 03m. Gia đình ông và hai hộ đã làm bê tông dải cả con đường (cụ thể là rộng 03m). Sau khi ông được Tòa án thông qua mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất để giải quyết vụ án giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Ma Văn Th với bị đơn bà Ma Thị H, bà Ma Thị T, bà Bùi Thị M, hệ tọa độ NV-2000, khu vực Thôn T.T, xã P, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang, Thôn T.T, xã P, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang, tỉ lệ 1: 500. Ông nhất trí với sơ đồ và không có ý kiến bổ sung gì. Ông trình bày bổ sung nội dung sau: Quá trình xem xét thẩm định tại chỗ ông chính là người trực tiếp chỉ các mốc giới cho cán bộ chuyên môn đo đạc. Sau khi xem mảnh trích đo, ông nhận thấy tại sơ đồ mảnh trích đo thể hiện điểm mốc giới số 1', 36, 35, 1' có diện tích là 10,0m² đất, đối với phần diện tích đất này gia đình ông không sử dụng vì phần đất này là đất dốc giáp đất ruộng của ông Th, không sử dụng được. Đối với yêu cầu khởi kiện ông Th đề nghị thì ông không nhất trí với nội dung khởi kiện của ông Th, gia đình ông không có lấn chiếm diện tích đất của gia đình ông Th, bà V.

- Bà Nguyễn Thị V trình bày: Về nguồn gốc diện tích đất đang có tranh chấp bà thống nhất ý kiến với ông Ma Văn Th. Nay bà đề nghị TAND huyện Ch. H buộc gia đình bà Ma Thị H, Ma Thị T, Bùi Thị M phải trả lại 238,3m² đất nông nghiệp đã lấn chiếm của gia đình bà, cụ thể: Bà Ma Thị H trả lại 131,3m² đã lấn chiếm đất của ông Ma Văn Th tại thửa đất 4b, tờ bản đồ số 35; Bà Ma Thị H, Ma Thị T, Bùi Thị M trả lại 65m² đã lấn chiếm của bà và ông Th tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 35 và trả lại 42m² đất bờ liền kề thửa đất số 15 đã bị san lấp làm đường nội bộ từ năm 2004-2005 cho ông.

Anh Ma Văn L, anh Ma Văn A, chị Ma Thị Thúy K, chị Ma Thị Đ, chị Ma Thị Y, chị Ma Thị D có bản trình bày ý kiến: Các anh, chị là con của ông Ma Văn Th và bà Nguyễn Thị V. Đối với diện tích đất nông nghiệp mà UBND huyện Ch. H

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E 0997478 ngày 30/12/1996, diện tích 2.456m² (trong đó có thửa số 4b và thửa số 15 hiện đang có tranh chấp) đứng tên hộ ông Ma Văn Th là của bố mẹ các anh chị khai hoang, phục hóa, sử dụng ổn định. Các anh, chị là người chung hộ khẩu gia đình nhưng không có công sức và quyền lợi gì liên quan đến toàn bộ diện tích đất nông nghiệp nói trên. Việc bố mẹ các anh chị đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp ở thửa số 15 và thửa số 4b bị các hộ gia đình nhà hàng xóm chiếm dụng, các anh chị có ý kiến nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Ma Văn Th và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ma Văn Th.

- *Anh Đặng Ngọc Tr (con của ông Đặng Văn Ph và bà Bùi Thị M) trình bày:* Anh khẳng định diện tích lối đi này đã có từ lâu, trong tờ bản đồ giải thửa 299 có thể hiện con đường. Quá trình sử dụng lối đi ba gia đình sử dụng chung và đã đổ bê tông làm đường đi như hiện trạng. Quá trình làm đường bê tông gia đình ông Nh, bà T đã bỏ ra 01m đất của gia đình để mở rộng lối đi như hiện nay. Anh khẳng định diện tích lối đi đó không lấn chiếm vào phần diện tích đất ruộng tại thửa số 15 của gia đình ông Ma Văn Th.

- *Anh Lê Văn N trình bày:* Về nguồn gốc diện tích đất của gia đình và phần diện tích đất đang có tranh chấp thì anh cùng thống nhất với ý kiến bố mẹ anh là ông Lê Văn C và bà Ma Thị H. Diện tích đất gia đình anh sử dụng ổn định và không có tranh chấp với ai. Đối với phần diện tích đất ông Th chỉ ranh giới cho rằng gia đình anh lấn chiếm của gia đình ông Th là không đúng thực tế, phần diện tích đó của gia đình anh đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh đã được Tòa án thông qua Mảnh trích đo hiện trạng sử dụng đất để giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Ma Văn Th với bị đơn bà Ma Thị H, bà Ma Thị T và bà Bùi Thị M, hệ tọa độ NV-2000 tại Thôn T.T, xã P, huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang, tỉ lệ 1:500. Anh nhất trí với sơ đồ và không có ý kiến bổ sung. Sau khi xem mảnh trích đo, anh nhận thấy tại sơ đồ mảnh trích đo thể hiện mốc giới 1', 36, 35, 1' có diện tích là 10,0m² đất, đối với phần diện tích này gia đình anh không sử dụng vì phần đất này dốc giáp đất ruộng của gia đình ông Th. Hiện tại gia đình ông Th vẫn sử dụng. Đối với diện tích lối đi từ đường quốc lộ 279 vào đến cổng nhà ông Nh, bà T. Ông Th cho rằng ba gia đình hiện đang sử dụng lối đi có lấn chiếm vào diện tích đất ruộng của gia đình ông Th, cụ thể là thửa đất số 15. Anh khẳng định diện tích lối đi này đã có từ lâu, trong tờ bản đồ giải thửa 299 có thể hiện con đường. Quá trình sử dụng lối đi ba gia đình sử dụng chung và đã đổ bê tông làm đường đi như hiện trạng. Quá trình làm đường bê tông gia đình ông Nh, bà T đã bỏ ra 01m đất của gia đình để mở rộng lối đi như hiện nay. Anh khẳng định diện tích lối đi đó không lấn chiếm vào phần diện tích đất ruộng tại thửa số 15 của gia đình ông Ma Văn Th.

- *Chị Đào Thị Ngọc S trình bày:* Từ khi chị về làm dâu và sinh sống cùng ông Lê Văn C và bà Ma Thị H thì chị đã thấy con đường có hiện trạng như hiện nay. Chị cùng ý kiến với anh Lê Văn N, bà Ma Thị H, ông Lê Văn C xác định là không có lấn chiếm, tranh chấp đất ruộng với gia đình ông Ma Văn Th.

- *Tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P, huyện Ch. H trình bày:* Hộ gia đình ông Ma Văn Th được Ủy ban nhân dân huyện Ch. H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số E0397478 do Ủy ban nhân dân huyện Ch. H cấp ngày 30/12/1996. Hộ gia đình ông Ma Văn Th có đất nông nghiệp phải đưa vào phương án dồn điền, đổi thửa thực hiện theo Kế hoạch số 17/KH-UB ngày 26/6/2002 của Ủy ban nhân dân huyện về việc quy hoạch kiến thiết đồng ruộng, dồn điền, đổi thửa. Ủy ban nhân dân xã P không quyết định thu hồi đất của hộ gia đình ông Th, việc ông Th yêu cầu trả lại các thửa đất đã giao các hộ khác đã được làm rõ, thực tế diện tích theo phương án dồn điền, đổi thửa cân đối cho hộ khác hiện nay hộ ông Ma Văn Th vẫn đang sử dụng, các hộ theo phương án được giao nhất trí không yêu cầu nhận đất và không có vướng mắc về quyền sử dụng đất liên quan đến hộ ông Ma Văn Th. Đối với diện tích lối đi từ quốc lộ 3B đến cổng nhà ông Hà Tiến Nh giáp với thửa số 15, tờ bản đồ số 35 cấp cho gia đình ông Ma Văn Th thì theo bản đồ giải thửa 299 được đo vẽ năm 1987 xã P có thể hiện 01 con đường đi nối từ đường quốc lộ 3B đến diện tích đất thửa đất số 13, diện tích 1.180, tên chủ sử dụng đất ông Hà Tiến Nh, tỉ lệ bản đồ 299 là 1: 1000. Theo tỉ lệ của tờ bản đồ 299, tờ bản đồ số 35 thì con đường thực tế theo tỉ lệ của bản đồ như sau:

- + Điểm đầu đường giáp đường quốc lộ 3B có chiều rộng là 04m;
- + Điểm giữa (tính trung bình của con đường) của con đường có chiều rộng: 05m;
- + Điểm cuối con đường giáp diện tích đất của ông Hà Tiến Nh (thửa đất số 13) có chiều rộng 04m.

* *Người làm chứng:*

- *Ông Kiều Xuân G trình bày:* Gia đình ông có thửa đất số 190 tờ bản đồ 35 có diện tích là 88m², diện tích đất này giáp với thửa đất số 4b của gia đình ông Ma Văn Th, do diện tích đất nhỏ, việc đi lại canh tác không thuận tiện nên năm 2001 ông có đổi thửa số 190 cho gia đình ông Ma Văn Th sử dụng, còn ông sử dụng thửa đất của ông Ma Văn Th tại Thôn T, xã P.

- *Ông Hà Quang Ch trình bày:* Thực hiện kế hoạch dồn điền đổi thửa của Ủy ban nhân dân huyện Ch. H thì gia đình ông được giao 136m² tại thửa số 4b, tờ bản đồ 35 diện tích đất này đã được cấp cho gia đình ông Ma Văn Th, ông là người trực tiếp ký biên bản giao đất ngày 05/12/2002. Tuy nhiên, sau khi được giao diện tích đất này thì gia đình ông không sử dụng, gia đình ông Th vẫn quản lý sử dụng từ năm 2002 đến nay. Ông xác định ông không liên quan gì đến thửa đất số 4b mà hiện nay ông Ma Văn Th đang khởi kiện tại Tòa án.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản xác định.

- Diện tích đo đạc thửa đất 15 do ông Ma Văn Th chỉ dẫn mốc giới ngoài thực địa là 590,1m²; bao gồm:

+ Diện tích do ông Ma Văn Th đang sử dụng (thửa số 01) là 459,4m²; ranh giới thể hiện tại các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 1.

+ Diện tích đang xảy ra tranh chấp, hiện trạng là đường giao thông (thửa số 02) là 130,7m²; ranh giới thể hiện tại các điểm 1, 8, 7, 6, 5, 9, 10, 11, 1.

- Diện tích đo đạc thửa đất 4b, do ông Ma Văn Th chỉ dẫn mốc giới ngoài thực địa là $1.075,1m^2$; bao gồm:

+ Diện tích do ông Th đang sử dụng (thửa số 03) là $922,3m^2$; ranh giới thể hiện tại các điểm: 12, 13, 14, ..., 31, 32, 33, 34, 35, 12.

+ Diện tích đang xảy ra tranh chấp hiện trạng là đường giao thông (thửa số 04) là $32,0m^2$; ranh giới thể hiện tại các điểm: 12, 36, 40, 41, 12.

+ Diện tích đang xảy ra tranh chấp, hiện trạng do ông Lê Văn C đang sử dụng (thửa số 05) là $120,8m^2$; ranh giới thể hiện tại các điểm: 36, 35, 34, 33, 32, 31, 37, 38, 39, 40, 36.

- Diện tích đo đạc thửa đất do ông Lê Văn C chỉ dẫn mốc giới ngoài thực địa là $1.632,0m^2$, bao gồm:

+ Diện tích do ông Lê Văn C đang sử dụng, không có tranh chấp (thửa số 06) là $1.511,2m^2$; ranh giới thể hiện tại các điểm: 40, 39, 38, 37, 31, 30, 29, 42, 43, 44, 45, ..., 63, 64, 65, 40.

+ Diện tích do ông Lê Văn C đang sử dụng, đang tranh chấp (thửa số 05, ông Ma Văn Th cho rằng thuộc quyền sử dụng đất của gia đình mình) là $120,8m^2$; ranh giới thể hiện tại các điểm: 36, 35, 34, 33, 32, 31, 37, 38, 39, 40, 36.

- Phần đất thuộc thửa đất số 4b, tờ số 35, bản đồ 299, ông Ma Văn Th hiện không sử dụng có diện tích (S1) là $10,0m^2$; ranh giới thể hiện tại các điểm: 1', 2', 36, 1'.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ma Văn Th và bà Nguyễn Thị V trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc gia đình bà Ma Thị H, bà Ma Thị T, bà Bùi Thị M trả lại diện tích đất lấn chiếm làm đường đi tại thửa số 15 là $123m^2$ (trong đó bao gồm cả $42m^2$ diện tích đất bờ liền thửa số 15) và yêu cầu gia đình bà Ma Thị H, ông Ma Văn Hiện trả lại diện tích đất lấn chiếm tại thửa số 4b là $149m^2$ theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hai thửa đất trên.

Bà Nguyễn Thị V nhất trí quan điểm của Ma Văn Th về yêu cầu các hộ gia đình trên phải trả lại diện tích đất lấn chiếm tại thửa số 15 và thửa số 4b và yêu cầu xác định ranh giới giữa thửa số 15 của gia đình với thửa số 16 và thửa số 14 của gia đình bà Ma Thị H (với lý do thửa số 16 của bà Ma Thị H khi được cấp là $150m^2$, sau khi bị Nhà nước thu hồi $30m^2$ thì phải còn là $120m^2$, nhưng thực tế hiện nay thửa số 16 của bà H vẫn còn là $150m^2$).

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện Ch. H xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; hòa giải không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST, ngày 10/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, các Điều 35; 39, 147, 155, 157, 158, 163, 165, 166, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 98, 100, 203 Luật đất đai 2013.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ma Văn Th về việc buộc gia đình bà Ma Thị H, bà Ma Thị T, bà Bùi Thị M phải trả lại 238,3m² diện tích đất nông nghiệp đã lấn chiếm của gia đình ông tại các thửa đất cụ thể như sau:

+ Gia đình bà Ma Thị H: Trả lại 131,3m² đã lấn chiếm của gia đình ông tại thửa đất 4b, tờ bản đồ 35.

+ Gia đình bà Ma Thị H, bà Ma Thị T, bà Bùi Thị M trả lại 65m² và 42m² đất bờ liền kề đã lấn chiếm của gia đình ông tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 35.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Ma Văn Th phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với tổng số tiền là 10.020.000 đồng. Ông Ma Văn Th đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Ma Văn Th.

Bà Ma Thị H, bà Ma Thị T, bà Bùi Thị M không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17 tháng 10 năm 2023 Tòa án nhận đơn kháng cáo nguyên đơn ông Ma Văn Th kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST, ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang vì Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không khách quan, không bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử phúc thẩm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông.

- Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Ma Văn Th giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc 03 bị đơn phải trả lại cho ông diện tích 238,2m² diện tích đất nông nghiệp. Ông thừa nhận việc đo đạc diện tích đất ngày 22/8/2023 ông được chỉ dẫn cho tổ đo đạc đi đo theo hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông, số liệu trên mảnh trích đo ngày 22/8/2023 là đúng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về sự có mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Xét Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ, xem xét đo đạc, thẩm định tại chỗ, lồng ghép bản đồ giải thửa 299 với hiện trạng sử dụng đất của ông Th thấy rằng yêu cầu khởi kiện của ông Th là không có căn cứ nên bác yêu cầu khởi kiện của ông Th là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Th không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ nào mới chứng minh cho nội dung kháng cáo, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308

Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ma Văn Th, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST, ngày 10/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ch. H.

Ông Th không phải chịu án phí phúc thẩm do là người cao tuổi. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về yêu cầu kháng cáo: Việc kháng cáo của nguyên đơn ông Ma Văn Th được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung của bản án sơ thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn Ma Văn Th yêu cầu hộ bà Ma Thị H trả lại 131,3m² đã lấn chiếm của gia đình ông tại thửa đất 4b, tờ bản đồ 35. Yêu cầu các gia đình bà Ma Thị H, bà Ma Thị T, bà Bùi Thị M trả lại 65m² và 42m² đất bờ liền kề đã lấn chiếm của gia đình ông tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 35.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ. Căn cứ vào mảnh trích đo hiện trạng và thực hiện việc lồng ghép với bản đồ 299 để xác định có hay không việc các bị đơn lấn chiếm.

Đối với thửa 4b diện tích đo đạc thực tế do ông Ma Văn Th chỉ dẫn ngoài thực địa hiện nay gia đình ông đang sử dụng là 922,3m² nhỏ hơn so với diện tích đã được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (1.020m²). Tuy nhiên trong quá trình sử dụng đất gia đình ông Ma Văn Th có đổi đất với gia đình ông Kiều Xuân G tại thửa đất số 190 có diện tích 88m² giáp với thửa số 4b của hộ ông Ma Văn Th, theo kết quả mảnh trích đo lồng ghép với tờ bản đồ giải thửa 299 thì phần diện tích đất của thửa 4b gia đình ông Th đã sử dụng một phần làm ao, khi chỉ dẫn ngoài thực địa ông Ma Văn Th đã chỉ cả vào diện tích đất tại thửa đất số 190 có diện tích 88m² nên hiện trạng sử dụng của thửa số 4b theo ông Th chỉ dẫn ngoài thực địa không trùng khớp với hiện trạng thửa số 4b tại bản đồ giải thửa 299. Hơn nữa phần diện tích đất ông Ma Văn Th cho rằng hộ gia đình bà Ma Thị H và ông Lê Xuân C lấn chiếm của gia đình ông theo kết quả đo đạc là 152,8m² thì một phần nằm trong diện tích đất thửa số 13 (đất bà T, ông Nh) và một phần nằm trong diện tích thửa đất số 12 (đất cấp cho gia đình ông Lê Văn C) và một phần trong thửa đất số 194 (đất chưa giao cho ai, do UBND xã P quản lý). Phần diện tích (S1) là 10,0m²; ranh giới thể hiện tại các điểm: 1', 2', 36, 1' nằm trong phần diện tích ông Th cho rằng gia đình ông Lê Văn C, bà Ma Thị H lấn chiếm, thực tế thì phần diện tích đất này gia đình ông C, bà H không sử dụng vì phần đất này là đất dốc giáp đất ruộng của ông Th, không sử dụng được hiện gia đình ông Ma Văn Th vẫn đang quản lý.

Đối với thửa số 15 diện tích đo đạc thực tế do ông Ma Văn Th chỉ dẫn hiện nay gia đình đang sử dụng là 459,4m² nhỏ hơn so với diện tích đã được cấp trong

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (540m²), sau khi lồng ghép với bản đồ giải thửa 299 thì diện tích theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ tuy thiếu 80,6m² nhưng phần diện tích đo đạc thực tế ông Th đang sử dụng lại trùng khớp ranh giới với diện tích được giao theo bản đồ giải thửa 299. Còn đối với diện tích 130,7m²; ranh giới thể hiện tại các điểm 1, 8, 7, 6, 5, 9, 10, 11, 1 ông Ma Văn Th cho rằng ba hộ gia đình bà H, bà T, bà M lấn chiếm trùng khớp với ranh giới con đường thực tế theo tỉ lệ của bản đồ giải thửa 299.

Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm ông Th thừa nhận gia đình ông đã đòi lại đất từ các bị đơn từ năm 2006 và sử dụng từ đó cho đến nay không tranh chấp với ai. Xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét diện tích đất nguyên đơn khởi kiện trên cơ sở đo đạc thực tế hiện trạng và lồng ghép với bản đồ 299 không có căn cứ cho rằng các bị đơn lấn chiếm đất của ông Th, đồng thời bác yêu cầu khởi kiện của ông Th là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm ông Th không xuất trình được chứng cứ nào mới, chứng minh cho nội dung kháng cáo. Vì vậy, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 22/2023/DS-ST, ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ch. H như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

[2]. Về án phí phúc thẩm: Ông Ma Văn Th là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận nội dung yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Ma Văn Th. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2023/DS-ST, ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Ch. H, tỉnh Tuyên Quang.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ma Văn Th về việc buộc gia đình bà Ma Thị H, bà Ma Thị T, bà Bùi Thị M phải trả lại 238,3m² diện tích đất nông nghiệp đã lấn chiếm của gia đình ông tại các thửa đất cụ thể như sau:

+ Gia đình bà Ma Thị H: Trả lại 131,3m² đã lấn chiếm của gia đình ông tại thửa đất 4b, tờ bản đồ 35.

+ Gia đình bà Ma Thị H, bà Ma Thị T, bà Bùi Thị M trả lại 65m² và 42m² đất bờ liền kề đã lấn chiếm của gia đình ông tại thửa đất số 15, tờ bản đồ số 35.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Ma Văn Th phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với tổng số tiền là 10.020.000 đồng. Ông Ma Văn Th đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Ma Văn Th.

Bà Ma Thị H, bà Ma Thị T, bà Bùi Thị M không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Ma Văn Th là người cao tuổi được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (08/4/2024).

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND huyện Ch. H;
- THADS huyện Ch. H;
- Các bên đương sự;
- Lưu VPTA (HCTP);
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Thanh Sơn